

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Chứng thực bản sao

đúng với bản chính 1457

Số chứng thực... 06... Quyển số.....SCT/BS

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Phó Chủ Tịch UBND P.1, Q. Tân Bình



Bùi Hoàng Lộc

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305654014 (số cũ là 4103009937), đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 41121000112 ngày 20 tháng 4 năm 2009 do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 đến lần 12 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở hoạt động.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028.39976930
- Fax : 028.39976840

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không;
- Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dạy nghề.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Thu Hương	Chủ tịch	Ngày 07 tháng 8 năm 2013
Ông Phan Lê Hoan	Phó Chủ tịch	Ngày 07 tháng 8 năm 2013
Ông Lương Hoài Nam	Phó Chủ tịch	Ngày 07 tháng 8 năm 2013
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên	Ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Phạm Bích Vương	Thành viên	Ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Đoàn Ngọc Cương	Thành viên	Ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Lê Xuân Lộc	Thành viên	Ngày 31 tháng 10 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	Ngày 22 tháng 6 năm 2012

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Á Đông	Trưởng ban	Ngày 18 tháng 5 năm 2013
Ông Khoa Năng Lưu	Thành viên	Ngày 18 tháng 5 năm 2013
Bà Trần Thị Huyền Trân	Thành viên	Ngày 18 tháng 5 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc	Ngày 22 tháng 4 năm 2008
Ông Tô Hiến Phương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2009
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 4 năm 2010

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Khánh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

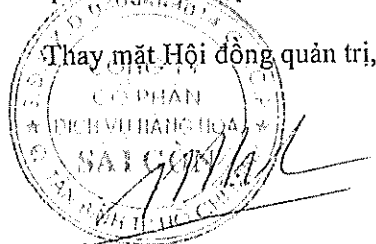
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Thu Hương
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 02 năm 2018





Số: 1.0232/2018/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY
PHẦN
HANG
HÓA
SÀI
GÒN

PHÓ

M.S.E.H.
TH
KIẾ
Q. T. N. B.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 21 tháng 02 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0093-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		236.245.267.504	162.853.442.173
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	47.313.663.845	91.576.078.070
1. Tiền	111		47.313.663.845	39.576.078.070
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	52.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		124.000.000.000	10.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	124.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.308.707.053	59.822.247.333
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	54.978.753.730	51.046.635.810
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.337.193.769	7.050.372.818
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.992.759.554	1.775.417.518
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(50.178.813)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.378.187	3.937.949
1. Hàng tồn kho	141		4.378.187	3.937.949
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.618.518.419	1.451.178.821
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.618.518.419	1.451.178.821
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
 ÔNG
 NHẬN
 CHẤM V
 &
 T.P.A

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		753.386.070.484	804.286.376.957
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		221.000.000	3.291.565.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	221.000.000	3.291.565.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		578.421.290.064	620.796.310.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	570.042.693.483	577.771.718.109
- Nguyên giá	222		840.610.110.756	774.447.194.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(270.567.417.273)	(196.675.476.448)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	-	37.379.364.608
- Nguyên giá	225		-	64.851.658.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(27.472.293.591)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.378.596.581	5.645.228.198
- Nguyên giá	228		20.925.962.285	15.339.962.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.547.365.704)	(9.694.734.087)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	100.497.472.887	107.096.517.893
- Nguyên giá	231		143.178.724.287	143.178.724.287
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(42.681.251.400)	(36.082.206.394)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.807.658.938	4.130.258.591
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	6.807.658.938	4.130.258.591
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		67.438.648.595	68.971.724.558
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	65.357.986.172	66.584.188.632
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.080.662.423	2.387.535.926
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		989.631.337.988	967.139.819.130

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		75.239.753.514	197.881.588.360
I. Nợ ngắn hạn	310		54.409.120.660	71.979.836.769
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.494.202.221	8.573.716.970
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	451.369.841	68.510.883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	20.596.774.774	9.586.869.174
4. Phải trả người lao động	314	V.15	13.878.619.332	25.925.015.494
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	398.267.237	1.746.957.261
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	6.602.100.000	6.752.373.970
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	2.189.575.030	1.458.697.295
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	6.736.770.480	17.806.253.880
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		61.441.745	61.441.842
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		20.830.632.854	125.901.751.591
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	7.000.000.000	13.600.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	10.474.078.099	9.763.200.920
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	3.356.554.755	63.929.080.449
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.20	-	38.609.470.222
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

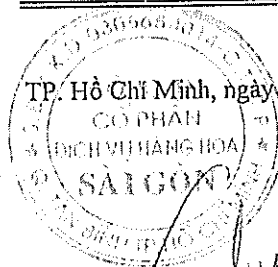
Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		914.391.584.474	769.258.230.770
I. Vốn chủ sở hữu	410		914.391.584.474	769.258.230.770
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	571.757.000.000	533.772.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.857.000.000	461.872.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		71.900.000.000	71.900.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	20.699.432.342	11.707.724.651
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.21	-	2.462.107.691
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	2.090.557.577	2.090.557.577
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	319.844.594.555	219.225.840.851
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.383.440.851	219.225.840.851
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		314.461.153.704	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		989.631.337.988	967.139.819.130



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Ngô Thị Anh Thư
Người lập

Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

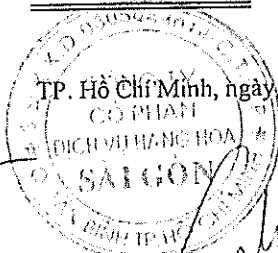
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	588.317.321.226	495.913.075.742
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		588.317.321.226	495.913.075.742
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	135.442.650.305	136.902.947.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		452.874.670.921	359.010.128.586
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.020.424.549	1.940.688.466
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.195.810.674	13.386.085.369
Trong đó: chi phí lãi vay và thuê tài chính	23		3.590.519.567	12.562.296.191
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	65.571.891.679	69.993.989.952
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		387.127.393.117	277.570.741.731
11. Thu nhập khác	31	VI.6	886.329.541	235.297.243
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.574.967.517	2.450.280.469
13. Lợi nhuận khác	40		(2.688.637.976)	(2.214.983.226)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		384.438.755.141	275.355.758.505
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	39.977.601.437	30.129.916.998
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>344.461.153.704</u>	<u>245.225.841.507</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	<u>6.515</u>	<u>5.143</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	<u>6.492</u>	<u>4.761</u>



Ngô Thị Anh Thư
Người lập



Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Quốc Khánh,
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		384.438.755.141	275.355.758.505
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,8,9,10	55.871.323.857	54.428.927.118
- Các khoản dự phòng	03		(50.178.813)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	73.927.863	296.586.128
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4.942.753.144)	(1.203.263.322)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.590.519.567	12.562.296.191
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		438.981.594.471	341.440.304.620
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.487.328.401	(10.365.366.611)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		306.433.265	(3.601.650)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(26.267.042.966)	15.458.825.282
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.058.862.862	2.914.352.629
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.685.085.441)	(12.115.639.261)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(30.210.778.954)	(38.484.297.273)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.000.000.097)	(2.734.590.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		374.671.311.541	296.109.987.736
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7,9,11	(4.383.394.820)	(12.467.076.450)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(242.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		128.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a,VI.3	3.063.369.811	1.203.263.322
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(115.320.025.009)	(21.263.813.128)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

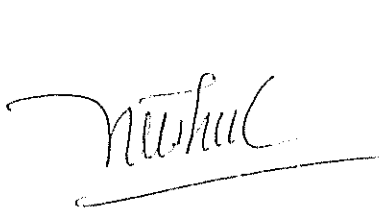
Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

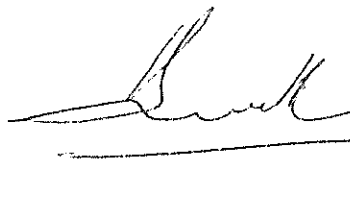
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

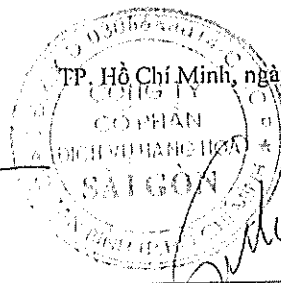
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.337.000.000	4.800.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a,b	(47.631.356.815)	(55.185.713.524)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19a,b	(23.998.596.390)	(12.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a, V.21	(237.261.259.300)	(143.143.497.970)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(303.554.212.505)</u>	<u>(205.529.211.494)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(44.202.925.973)	69.316.963.114
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.I	91.576.078.070	22.167.360.694
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(59.488.252)	91.754.262
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.I	<u>47.313.663.845</u>	<u>91.576.078.070</u>



Ngô Thị Anh Thư
Người lập

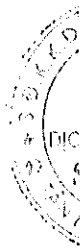


Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc



15-01-2018
CÔNG TY
DỊCH VỤ
HÀNG HÓA
SÀI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không;
- Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dạy nghề.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 454 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 388 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Sở giao dịch 2 (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Sở giao dịch 2 (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TY
AN
SH
DN
SO
H.03
C
TRÁC
KIỂM
TÂN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, công cụ, dụng cụ và chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Giá trị quyền khai thác khu đất

Giá trị quyền khai thác khu đất 14,3 ha thể hiện khoản tiền Công ty đã thỏa thuận nhận góp vốn của Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa máy bay A41). Giá trị quyền khai thác này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian khai thác là 49 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (xem thuyết minh V.6b). Bắt đầu từ ngày 01/01/2017, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán đối với việc phân bổ Giá trị quyền khai thác khu đất từ phân bổ theo phương pháp đường thẳng sang không phân bổ theo Biên bản làm việc ngày 18 tháng 10 năm 2017 với Cục Thuế TP HCM.

Chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính
Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 45
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	04 – 05



04498
CÔNG T
NHIỆM H
TOÁN VÀ
A &
H.T.P.T

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 08 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là một phần của nhà và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	45
Cơ sở hạ tầng	10 - 20

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu chuyển đổi (Nợ chuyển đổi)

Nợ chuyển đổi là nợ có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành. Công ty đã xác định rõ trong hợp đồng là hình thức “Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi”.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ chuyển đổi được xác định riêng biệt cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn. Phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi nợ chuyển đổi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành nợ chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của nợ tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành nợ được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị cấu phần vốn của nợ chuyển đổi là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của nợ chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn nợ theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành nợ chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của nợ nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của nợ nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành nợ chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của nợ chuyển đổi.

Tại thời điểm đáo hạn nợ chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ nợ có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nếu người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi nợ thành cổ phiếu, phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc nợ. Trường hợp người nắm giữ nợ thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu (nợ chuyển đổi)

Quyền chọn chuyển đổi nợ là giá trị cấu phần vốn của nợ chuyển đổi do Công ty phát hành tại thời điểm báo cáo, được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của nợ chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn chuyển đổi nợ được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu. Khi đáo hạn nợ, giá trị quyền chọn được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.263.094.481	2.959.758.927
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.050.569.364	36.616.319.143
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	52.000.000.000
Cộng	<u>47.313.663.845</u>	<u>91.576.078.070</u>

2. Khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	124.000.000.000	124.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>124.000.000.000</u>	<u>124.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các liên quan</i>	<i>600.222.243</i>	<i>3.773.704</i>
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	600.222.243	-
Công ty Cổ Phần Gemadept	-	3.773.704
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>54.378.531.487</i>	<i>51.042.862.106</i>
Công ty Cổ Phần VietjetAir Cargo	8.035.812.295	5.482.852.694
Emirates Airlines	5.180.222.399	5.854.507.635
Các khách hàng khác	41.162.496.793	39.705.501.777
Cộng	<u>54.978.753.730</u>	<u>51.046.635.810</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công Nghệ Truyền Thông DTS	-	4.197.271.127
Công ty TNHH Nhà Thép Đức Thiện Long An	790.998.500	1.833.038.900
Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt tại Tân Phú -TPHCM	739.944.300	-
Công ty TNHH xe nâng Tín Quang	488.180.000	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Dân Cường	379.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	938.570.969	1.020.062.791
Cộng	<u>3.337.193.769</u>	<u>7.050.372.818</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>489.000.000</i>		-	
Công TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 - Ứng kinh phí cho dự án SCSC 2	489.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.503.759.554</i>		<i>1.775.417.518</i>	
Tạm ứng	1.227.446.009	-	232.529.486	-
Tiền thuế thu nhập cá nhân được hoàn	897.947.623	-	174.466.617	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào tạm ghi nhận	280.858.044	-	276.674.030	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.001.183.333	-	121.800.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	96.324.545	-	969.947.385	-
Cộng	<u>4.992.759.554</u>	-	<u>1.775.417.518</u>	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.460.293.462	1.231.518.295
Chi phí bảo hiểm	51.433.290	136.458.934
Chi phí cải tạo và di dời văn phòng	-	53.189.092
Chi phí đồng phục	106.791.667	30.012.500
Cộng	<u>1.618.518.419</u>	<u>1.451.178.821</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	232.260.905	767.953.240
Giá trị quyền khai thác khu đất (*)	60.650.340.135	60.650.340.135
Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán tài sản cố định đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	4.475.385.132	5.102.864.757
Chi phí khác	-	63.030.500
Cộng	<u>65.357.986.172</u>	<u>66.584.188.632</u>

(*) Giá trị quyền khai thác khu đất 14,3 ha với thời gian 49 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu (ngày 08 tháng 4 năm 2008), theo Văn bản thỏa thuận nguyên tắc thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn ngày 17 tháng 3 năm 2008 giữa các cổ đông sáng lập và Hợp đồng Hợp tác Khai thác Dịch vụ Tổng hợp Hàng không trên khu đất quốc phòng 14,3 ha tại Sân bay Tân Sơn Nhất số 01/2015/PKKQ-SCSC ngày 04 tháng 02 năm 2015 giữa Công ty và Quân chủng Phòng không Không quân – đơn vị chủ quản của Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41, tổng giá trị là 71.900.000.000VND.

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	457.335.550.823	58.848.707.704	229.050.219.361	28.717.704.397	495.012.272	774.447.194.557
Mua trong năm	-	54.000.000	1.216.000.000	41.258.000	-	1.311.258.000
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	61.058.712.000	3.792.946.199	-	-	64.851.658.199
Số cuối năm	<u>457.335.550.823</u>	<u>119.961.419.704</u>	<u>234.059.165.560</u>	<u>28.758.962.397</u>	<u>495.012.272</u>	<u>840.610.110.756</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	677.788.762	1.882.018.147	7.695.828.747	1.002.465.767	495.012.272	11.753.113.695
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	74.473.771.206	21.172.486.767	84.513.989.469	16.020.216.734	495.012.272	196.675.476.448
Khấu hao trong năm	15.846.325.094	5.570.755.971	17.771.268.336	3.096.573.543	-	42.284.922.944
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	29.453.442.157	2.153.575.724	-	-	31.607.017.881
Số cuối năm	<u>90.320.096.300</u>	<u>56.196.684.895</u>	<u>104.438.833.529</u>	<u>19.116.790.277</u>	<u>495.012.272</u>	<u>270.567.417.273</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	382.861.779.617	37.676.220.937	144.536.229.892	12.697.487.663	-	577.771.718.109
Số cuối năm	<u>367.015.454.523</u>	<u>63.764.734.809</u>	<u>129.620.332.031</u>	<u>9.642.172.120</u>	<u>-</u>	<u>570.042.693.483</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 142.511.134.474 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu – Sở giao dịch 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	61.058.712.000	3.792.946.199	64.851.658.199
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(61.058.712.000)	(3.792.946.199)	(64.851.658.199)
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	25.603.188.834	1.869.104.757	27.472.293.591
Khấu hao trong năm	3.850.253.323	284.470.967	4.134.724.290
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(29.453.442.157)	(2.153.575.724)	(31.607.017.881)
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	35.455.523.166	1.923.841.442	37.379.364.608
Số cuối năm	-	-	-

Theo hợp đồng thuê tài sản số 02.12.11/HĐCTTC-SCSC ngày 27 tháng 12 năm 2011 và số 02.12.11/HĐCTTC1-SCSC, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê. Tại ngày 21 tháng 8 năm 2017 Công ty đã hoàn tất việc mua Tài sản cố định thuê tài chính với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing).

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	15.339.962.285
Mua trong năm	5.586.000.000
Số cuối năm	20.925.962.285
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	445.575.998
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	9.694.734.087
Khấu hao trong năm	2.852.631.617
Số cuối năm	12.547.365.704
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	5.645.228.198
Số cuối năm	8.378.596.581
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

	Tòa nhà văn phòng	Sân đậu máy bay	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	44.825.141.182	98.353.583.105	143.178.724.287
Số cuối năm	44.825.141.182	98.353.583.105	143.178.724.287
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.675.239.403	29.406.966.991	36.082.206.394
Khấu hao trong năm	1.162.651.808	5.436.393.198	6.599.045.006
Số cuối năm	7.837.891.211	34.843.360.189	42.681.251.400
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	38.149.901.779	68.946.616.114	107.096.517.893
Số cuối năm	36.987.249.971	63.510.222.916	100.497.472.887

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	4.130.258.591	2.677.400.347	6.807.658.938
Công trình vách ngăn, hệ thống điện nước tầng 6 tòa nhà SCSC	4.113.353.591	2.637.955.347	6.751.308.938
Công trình Tòa nhà văn phòng	16.905.000	39.445.000	56.350.000
Cộng	4.130.258.591	2.677.400.347	6.807.658.938

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>10.497.000</i>	<i>3.530.433.362</i>
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	10.497.000	3.530.433.362
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>3.483.705.221</i>	<i>5.043.283.608</i>
Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Hàng hóa Sài Gòn	1.552.565.881	2.974.502.321
Công ty TNHH Vận tải Sao Xanh	481.178.325	693.239.129
Công Ty TNHH Cung ứng Nhân Lực Nhân Kiệt	336.350.851	143.246.422
Các nhà cung cấp khác	1.113.610.164	1.232.295.736
Cộng	3.494.202.221	8.573.716.970

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Dược phẩm Sanoï Synthelabo Việt Nam	66.222.679	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	140.089.367	-
Văn Phòng Bán vé Hãng Hàng không Lufthansa tại Việt Nam	139.403.535	-
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Liên Kết Mỹ	48.393.774	45.475.298
Các khách hàng khác	57.260.486	23.035.585
Cộng	451.369.841	68.510.883

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.448.600.803	33.210.825.918	(32.333.081.851)	3.326.344.870
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.128.221	(4.128.221)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	20.426	(20.426)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.821.628.865	39.977.601.437	(30.210.778.954)	16.588.451.348
Thuế thu nhập cá nhân	316.639.506	7.576.994.818	(7.211.655.768)	681.978.556
Các loại thuế khác	-	228.157.740	(228.157.740)	-
Cộng	9.586.869.174	80.997.728.560	(69.987.822.960)	20.596.774.774

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng được áp dụng theo Luật thuế Giá trị gia tăng.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%)

Riêng thu nhập từ dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41121000112 ngày 20 tháng 4 năm 2009, Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm (từ năm 2015) theo hướng dẫn Công văn số 5812/CT-TTHT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	384.438.755.141	275.355.758.505
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.124.798.534	3.168.752.457
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.785.574.754)	(1.100.856.813)
Thu nhập tính thuế	386.777.978.921	277.423.654.149
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	77.355.595.784	55.484.730.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(35.250.399.416)	(25.463.572.669)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	42.105.196.368	30.021.158.161
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(2.127.594.931)	108.758.837
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	39.977.601.437	30.129.916.998

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	7.850.303	1.102.416.177
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	390.416.934	644.541.084
Cộng	<u>398.267.237</u>	<u>1.746.957.261</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện**17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan</i>	<i>6.600.000.000</i>	<i>6.600.000.000</i>
Tổng Công ty Hàng không Miền Nam - Tiền trả trước về cho thuê sân đậu máy bay	6.600.000.000	6.600.000.000
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức khác</i>	<i>2.100.000</i>	<i>152.373.970</i>
Tiền trả trước về cho thuê văn phòng	-	152.373.970
Tiền trả trước về cho thuê hộp thư	2.100.000	-
Cộng	<u>6.602.100.000</u>	<u>6.752.373.970</u>

17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Trả trước về thuê sân đậu máy bay của Tổng Công ty Hàng không Miền Nam.

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	381.134.095	85.112.620
Cổ tức phải trả	1.786.642.730	1.205.502.030
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	21.798.205	168.082.645
Cộng	<u>2.189.575.030</u>	<u>1.458.697.295</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược		
<i>Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam</i>	<i>1.062.882.800</i>	<i>1.062.882.800</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>9.411.195.299</i>	<i>8.700.318.120</i>
Cộng	<u>10.474.078.099</u>	<u>9.763.200.920</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	6.736.770.480	5.806.253.880
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	-	12.000.000.000
Cộng	<u>6.736.770.480</u>	<u>17.806.253.880</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Chênh lệch tỉ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	5.806.253.880	6.741.214.260	(4.662.595)	(5.806.035.065)	6.736.770.480
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	12.000.000.000	6.000.000.000	-	(18.000.000.000)	-
Cộng	<u>17.806.253.880</u>	<u>12.741.214.260</u>	<u>(4.662.595)</u>	<u>(23.806.035.065)</u>	<u>6.736.770.480</u>

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	3.356.554.755	51.930.484.059
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch 2 ⁽¹⁾	3.356.554.755	51.930.484.059
Nợ thuê tài chính	-	11.998.596.390
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê lại máy móc thiết bị⁽¹⁾</i>	-	11.998.596.390
Cộng	<u>3.356.554.755</u>	<u>63.929.080.449</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Sở giao dịch 2 theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 60866429 ngày 15 tháng 6 năm 2009 với mục đích đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa – Cảng hàng không quốc tế. Khoản vay có hạn mức tín dụng được cấp là 480.000.000.000 VND với lãi suất được quy định theo từng khối ước nhận nợ, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay với tổng giá trị ước tính là 896.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.6).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 97795549 ngày 06 tháng 10 năm 2010 với mục đích đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa – Cảng hàng không quốc tế. Khoản vay có hạn mức tín dụng được cấp là 50.000.000.000 VND với lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay với tổng giá trị ước tính là 640.707.000.000 VND (xem thuyết minh số V.6).
- (ii) Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo hai hợp đồng:
 - Hợp đồng thuê tài chính số 02.12.11/HĐCTTC-SCSC ngày 27 tháng 12 năm 2011 với số tiền 49.726.525.357 VND, thời hạn thuê 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền thuê được hoàn trả hàng quý với lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời gian thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá tối thiểu là 1.000.000 VND.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 02.12.11/HĐCTTC1-SCSC ngày 01 tháng 02 năm 2012 với số tiền 10.272.071.033 VND, thời hạn thuê 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền thuê được hoàn trả hàng quý với lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời gian thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá tối thiểu là 1.000.000 VND.
- Tại ngày 21 tháng 8 năm 2017 Công ty đã hoàn tất việc mua Tài sản cố định thuê tài chính với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	10.093.325.235	6.736.770.480	3.356.554.755
Nợ thuê tài chính	-	-	-
Cộng	10.093.325.235	6.736.770.480	3.356.554.755
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	57.736.737.939	5.806.253.880	51.930.484.059
Nợ thuê tài chính	23.998.596.390	12.000.000.000	11.998.596.390
Cộng	81.735.334.329	17.806.253.880	63.929.080.449

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	51.930.484.059	(41.825.321.750)	(6.741.214.260)	(7.393.294)	3.356.554.755
Nợ thuê tài chính	11.998.596.390	(5.998.596.390)	(6.000.000.000)	-	-
Cộng	63.929.080.449	(47.823.918.140)	(12.741.214.260)	(7.393.294)	3.356.554.755

19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Trái phiếu chuyển đổi (Nợ chuyển đổi)**

Trái phiếu chuyển đổi là khoản nợ chuyển đổi theo các Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC – 01/04/2015 ngày 09 tháng 4 năm 2015 và SCSC – 02/04/2015 ngày 10 tháng 4 năm 2015. Thông tin chi tiết về khoản nợ chuyển đổi này như sau:

- Thời điểm nhận nợ : 09/04/2015 và 10/04/2015
- Kỳ hạn gốc : 24 tháng
- Kỳ hạn còn lại : Đã đáo hạn. Công ty đã chuyển đổi sang 3.264.800 cổ phiếu phổ thông với giá chuyển đổi 12.000 VND/cổ phiếu từ tháng 7 năm 2017.
- Giá trị nợ chuyển đổi : 39.177.600.000 VND
- Lãi suất : 4%/năm
- Giá chuyển đổi thành cổ phiếu : 12.000 VND
- Lãi suất chiết khấu : 7,5% /năm

Chi tiết giá trị của nợ chuyển đổi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị gốc vay còn lại	-	39.177.600.000
Giá trị cấu phần vốn	(2.462.107.691)	(2.462.107.691)
Phần chênh lệch giữa số lãi phải trả của khoản nợ tính theo lãi suất thực tế và số lãi tính theo lãi suất danh nghĩa	2.462.107.691	1.913.422.357
Chi phí phát hành	(100.000.000)	(100.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành	100.000.000	80.555.556
Giá trị nợ chuyển đổi	<u>-</u>	<u>38.609.470.222</u>

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	480.000.000.000	-	6.155.269.227	2.090.557.577	120.993.589.344	609.239.416.148
Điều chỉnh cấu phần vốn của nợ chuyển đổi	-	-	(3.693.161.536)	-	-	(3.693.161.536)
Tăng vốn từ nợ chuyển đổi	53.772.000.000	9.794.400.000	-	-	-	63.566.400.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	245.225.841.507	245.225.841.507
Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(2.556.135.400)	(2.556.135.400)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(144.349.000.000)	(144.349.000.000)
Kết chuyển quyền chọn chuyển đổi trái phiếu sang thặng dư vốn cổ phần các nợ chuyển đổi đã đáo hạn trong năm trước	-	1.913.324.651	-	-	(88.454.600)	1.913.324.651
Các khoản khác	-	-	-	-	(88.454.600)	(88.454.600)
Số dư cuối năm trước	<u>533.772.000.000</u>	<u>11.707.724.651</u>	<u>2.462.107.691</u>	<u>2.090.557.577</u>	<u>219.225.840.851</u>	<u>769.258.230.770</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	533.772.000.000	11.707.724.651	2.462.107.691	2.090.557.577	219.225.840.851	769.258.230.770
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	344.461.153.704	344.461.153.704
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	5.337.000.000	-	-	-	-	5.337.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(237.842.400.000)	(237.842.400.000)
Tăng vốn từ nợ chuyển đổi	32.648.000.000	6.529.600.000	-	-	-	39.177.600.000
Kết chuyển quyền chọn chuyển đổi trái phiếu sang thặng dư vốn cổ phần các trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn	-	2.462.107.691	(2.462.107.691)	-	-	-
Số dư cuối năm nay	571.757.000.000	20.699.432.342	-	2.090.557.577	319.844.594.555	914.391.584.474

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Gemadept	184.416.600.000	184.416.600.000
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 (*)	72.025.000.000	72.025.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu	-	12.750.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đầu tư Sài Gòn hàng không	57.134.170.000	34.280.500.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam	24.485.830.000	14.691.500.000
Các cổ đông khác	133.695.400.000	115.608.600.000
Cộng	571.757.000.000	533.772.000.000

(*) Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 góp vốn dưới hai hình thức:

- Bằng quyền khai thác khu đất 14,3 ha để sở hữu 7.190.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức trong suốt dự án và không chuyển đổi.
- Bằng tiền để sở hữu 12.500 cổ phiếu phổ thông với quyền lợi và nghĩa vụ như các cổ đông khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.175.700	53.377.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.175.700	53.377.200
- Cổ phiếu phổ thông	49.985.700	46.187.200
- Cổ phiếu ưu đãi	7.190.000	7.190.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.175.700	53.377.200
- Cổ phiếu phổ thông	49.985.700	46.187.200
- Cổ phiếu ưu đãi	7.190.000	7.190.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số SCSC17/HĐQT/NQ/01 ngày 28 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Cổ tức đợt 1 năm 2017 của cổ phiếu ưu đãi (*)	: 15.000.000.000
• Cổ tức đợt 2 năm 2017 của cổ phiếu ưu đãi (*)	: 15.000.000.000
• Chia cổ tức năm 2016 cho các cổ đông phổ thông	: 207.842.400.000
• Trích quỹ khen thưởng năm 2016	: 6.000.000.000

(*) Theo Hợp đồng Hợp tác Khai thác Dịch vụ Tổng hợp Hàng không số 01/2015/PKKQ-SCSC ngày 04 tháng 02 năm 2015 với Quân chủng Phòng không – Không quân, Công ty phải trả lợi nhuận sau thuế cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 (thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân) hàng năm trong suốt thời gian còn lại của dự án (từ năm 2014 đến năm 2057) mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 576,792.92 USD (số đầu năm là 402,679.56 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu khai thác nhà ga	542.072.848.136	455.236.267.193
Doanh thu cho thuê sân đậu máy bay	7.006.354.587	6.985.427.032
Doanh thu cho thuê văn phòng, bãi đậu xe sân bóng... và các dịch vụ liên quan	38.095.574.560	33.440.591.803
Doanh thu khác	1.142.543.943	250.789.714
Cộng	<u>588.317.321.226</u>	<u>495.913.075.742</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết cũng như các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết ngoài Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP. Giao dịch phát sinh trong năm với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP chỉ có giao dịch về cho thuê sân đậu máy bay và cơ sở hạ tầng với số tiền là 6.526.354.587 VND (năm trước là 4.945.427.032 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn khai thác nhà ga	123.237.619.456	124.071.855.258
Giá vốn cho thuê văn phòng và dịch vụ liên quan	6.572.495.905	6.484.085.640
Giá vốn cho thuê sân đậu máy bay	5.436.393.195	6.228.760.542
Giá vốn khác	196.141.749	118.245.716
Cộng	<u>135.442.650.305</u>	<u>136.902.947.156</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	4.942.753.144	1.203.263.322
Tiền phạt thanh toán chậm	75.899.172	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	19.047	737.425.144
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.753.186	-
Cộng	<u>5.020.424.549</u>	<u>1.940.688.466</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.590.519.567	10.294.903.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	73.927.863	701.629.064
Chi phí lãi thuê tài chính	968.682.159	2.267.392.972
Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi	150.000.000	50.000.000
Tiền phạt trả nợ trước hạn thuê tài chính	224.980.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	187.701.085	72.160.114
Cộng	<u>5.195.810.674</u>	<u>13.386.085.369</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	29.970.554.587	38.367.609.756
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.051.628.908	5.277.523.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.826.377.402	6.730.125.527
Thuế, phí và lệ phí	130.992.913	109.955.666
Chi phí điện, nước	9.889.077.566	9.629.328.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	6.291.720.188	4.093.362.674
Các chi phí khác	6.411.540.115	5.786.084.960
Cộng	<u>65.571.891.679</u>	<u>69.993.989.952</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản thuế được hoàn	508.590.579	-
Thu từ các khoản nợ không phải hoàn trả	209.068.575	-
Thu nhập khác	168.670.387	235.297.243
Cộng	886.329.541	235.297.243

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.296.000.000	1.296.000.000
Phạt do vi phạm hành chính	424.907.427	111.919.250
Chi phí khác	1.854.060.090	1.042.361.219
Cộng	3.574.967.517	2.450.280.469

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	344.461.153.704	245.225.841.507
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(30.000.000.000)	(26.000.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	314.461.153.704	219.225.841.507
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	48.266.686	42.623.092
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.515	5.143

8b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	314.461.153.704	219.225.841.507
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của số tiền lãi của nợ có thể chuyển đổi	(1.112.542.863)	(3.054.339.279)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	313.348.610.841	216.171.502.228
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	48.266.686	45.407.892
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.492	4.761

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	48.266.686	43.991.624
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:		
- Nợ chuyển đổi (*)	-	2.784.800
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	48.266.686	46.776.424

(*) Số lượng cổ phiếu từ nợ chuyển đổi dùng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.051.628.908	5.277.523.295
Chi phí nhân công	78.603.146.004	91.839.718.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.871.323.857	54.428.927.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.076.903.100	49.564.683.645
Chi phí khác	6.411.540.115	5.786.084.960
Cộng	<u>201.014.541.984</u>	<u>206.896.937.108</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	4.900.868.840	3.732.140.212
Thù lao, thưởng của HĐQT và BKS	1.296.000.000	1.296.000.000
Cộng	<u>6.196.868.840</u>	<u>5.028.140.212</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Gemadept	Cổ đông nắm giữ 32,25% cổ phần
Công ty TNHH MTV Sửa Chữa máy bay 41	Cổ đông nắm giữ 12,60% cổ phần và có ảnh hưởng đáng kể
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	Cổ đông nắm giữ 13,12% cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41</i>		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi được chia	30.000.000.000	26.000.000.000
Cổ tức được chia	56.250.000	31.250.000
<i>Công ty Cổ phần Gemadept</i>		
Cổ tức được chia	82.987.380.000	35.312.500.000
<i>Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam</i>		
Cổ tức được chia	33.750.000.000	18.750.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12, V.17a và V.17b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ và trong một khu vực địa lý là TP. Hồ Chí Minh.

3. Số liệu so sánh

3a. Thay đổi chính sách kế toán

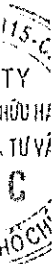
Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.6, từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 Công ty đã thay đổi chính sách kế toán đối với việc phân bổ giá trị quyền khai thác khu đất 14,3ha từ phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (49 năm) sang không phân bổ.

3b. Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán

Việc không phân bổ giá trị quyền khai thác khu đất 14,3ha sẽ làm Lợi nhuận trước thuế từ năm 2009 đến năm 2016 tăng 11.249.659.865 VND, tương ứng mỗi năm tăng 1.467.346.939 VND. Tuy nhiên, Công ty không điều chỉnh hồi tố do việc thay đổi chính sách kế toán này không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.9 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.313.663.845	-	47.313.663.845
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	124.000.000.000	-	124.000.000.000
Phải thu khách hàng	54.978.753.730	-	54.978.753.730
Các khoản phải thu khác	2.318.507.878	-	2.318.507.878
Cộng	228.610.925.453	-	228.610.925.453
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.576.078.070	-	91.576.078.070
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	50.996.456.997	50.178.813	51.046.635.810
Các khoản phải thu khác	4.383.312.385	-	4.383.312.385
Cộng	156.955.847.452	50.178.813	157.006.026.265

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn trên 3 năm	-	50.178.813
Cộng	-	50.178.813

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	3.494.202.221	-	3.494.202.221
Vay và nợ	6.736.770.480	3.356.554.755	10.093.325.235
Nợ chuyển đổi	-	-	-
Các khoản phải trả khác	12.680.786.271	-	12.680.786.271
Cộng	22.911.758.972	3.356.554.755	26.268.313.727
Số đầu năm			
Phải trả người bán	8.573.716.970	-	8.573.716.970
Vay và nợ	17.806.253.880	63.929.080.449	81.735.334.329
Nợ chuyển đổi	38.609.470.222	-	38.609.470.222
Các khoản phải trả khác	12.883.742.856	-	12.883.742.856
Cộng	77.873.183.928	63.929.080.449	141.802.264.377

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	576,792.92	402,679.56
Phải thu khách hàng	492,152.24	205,914.75
Vay và nợ	(443,857.75)	(699,709.75)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	<u>625,087.41</u>	<u>(91,115.44)</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay có lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.313.663.845	-	91.576.078.070	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	124.000.000.000	-	10.000.000.000	
Phải thu khách hàng	54.978.753.730	-	51.046.635.810	(50.178.813)
Các khoản phải thu khác	2.318.507.878	-	4.383.312.385	
Cộng	<u>228.610.925.453</u>	<u>-</u>	<u>157.006.026.265</u>	<u>(50.178.813)</u>

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	3.494.202.221	8.573.716.970
Vay và nợ	10.093.325.235	81.735.334.329
Nợ chuyển đổi	-	38.609.470.222
Các khoản phải trả khác	12.680.786.271	12.883.742.856
Cộng	<u>26.268.313.727</u>	<u>141.802.264.377</u>

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Ngô Thị Anh Thư
Người lập biểu

Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc



CTY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Số: 1.0002/18/UQ-AC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2017

GIẤY ỦY QUYỀN



- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 *Võ Hùng Tiển*
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/06/NQ-HĐTV ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Căn cứ nhu cầu thực tế công việc.

Tôi tên: **VÕ HÙNG TIẾN**, Tổng giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Nay ủy quyền cho **Ông Bùi Văn Khá**, Phó tổng giám đốc Công ty, theo nội dung sau:

1/ Phạm vi uỷ quyền:

Ký và chịu trách nhiệm đối với các Thư giao dịch, Báo phí kiểm toán, Báo cáo kiểm toán tài chính, Báo cáo soát xét, Biên bản thanh lý hợp đồng kiểm toán BCTC cho các khách hàng thuộc Khối 1 Kiểm toán báo cáo tài chính – Văn phòng Công ty.

2/ Thời gian uỷ quyền:

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2018.

Trách nhiệm và quyền hạn của **Ông Bùi Văn Khá** được thực thi theo qui định của Pháp luật hiện hành.

Người được uỷ quyền

Bùi Văn Khá

Người uỷ quyền



Võ Hùng Tiển

Nơi nhận:

- Ông Bùi Văn Khá
- Giám đốc Tài chính kiêm KTT
- Lưu Cty